

Thành Ngữ - Tục Ngữ Việt Nam



"Dao có mài mới sắc, người có học mới nên"

1. Ba voi không được bát nước xáo:

Trong nhiều từ điển đều giải thích nghĩa là “nói khoác, không đúng sự thật”, hoặc “huênh hoang, hứa nhiều nhưng không làm đúng như lời đã hứa”. Cơ sở cho cách hiểu trên là sự tương phản về khối lượng. Một bên là voi, một loài thú rất lớn (thậm chí là ba voi, hoặc mười voi để tăng về khối lượng) và một bên là bát nước xáo, một lượng rất ít. Đó là nghĩa bóng của thành ngữ này. Không một người Việt nào hiểu sai thành ngữ trên (ví dụ hiểu thịt voi không ngon cho nên nước xáo nhạt). Nhưng về nghĩa thực (nghĩa đen) thì ít người hiểu rõ. Trong bài “Kể chuyện về loài voi” của Bá Thành (Tuần tin tức số 15-1993) có một thông tin rất đáng chú ý: “Thịt voi là loại thịt săn, chắc, đặc biệt là thịt ở vòi. Khi nấu thịt voi dù có đổ nhiều nước, thịt nở ra vẫn hút hết nước”. Có lẽ nhờ tính chất hút rất nhiều nước của thịt voi mà chúng ta hiểu rõ thêm về nghĩa đen của thành ngữ này vì đã mấy ai được ăn thịt voi, luộc thịt voi mà biết rõ. (Theo Hà Quang Năng)

2. Bán chỗ nằm, mua chỗ ngồi:

Câu này cũng gần nghĩa với câu “Bán gia tài mua danh phận”. Ngày trước, ở nông thôn, người ta chuộng chỗ ngồi ở chốn đình trung khi họp làng. Nhiều người bỏ tiền mua một chức Nhiêu, chức Xã để có một chỗ ngồi, rồi lại phải khao vọng tốn kém. Vì thế có người phải bán cả nhà, đất để có một danh vị hão. Chỗ nằm tức là nơi nhà ở, chỗ ngồi tức là góc chiếu nơi đình trung.

3. Bạn tri âm:

Tri âm nghĩa là hiểu được tiếng đàn, nghĩa rộng là hiểu được lòng mình. Trong truyện “Kim cổ Kỳ quan” của Trung Quốc có ghi lại một tình bạn hiếm có giữa Bá Nha và Chung Tử Kỳ. Bá Nha làm quan, một lần đi thuyền về quê, ghé đậu vào một bến sông. Trong đêm trăng, Bá Nha đem đàn ra gảy. Vừa lúc đó, Tử Kỳ đi qua, nghe tiếng đàn liền dừng lại. Thấy có người mãi mê nghe tiếng đàn, Bá Nha liền mời xuống thuyền. Tử Kỳ là người sành nghe đàn. Khi Bá Nha nghe đến núi cao thì Tử Kỳ khen: “Cao vọi vọi như núi Thái Sơn”. Khi Bá Nha nghe đến sông nước thì Tử Kỳ khen “mênh mông như Trường Giang, Hoàng Hà”. Thấy có người hiểu sâu được tiếng đàn của mình, Bá Nha liền kết làm anh em và hỏi về gia cảnh. Tử Kỳ thưa còn có mẹ già nên hàng ngày phải đi đốn củi để bán lấy tiền nuôi mẹ. Bá Nha từ biệt Tử Kỳ để xuôi thuyền về quê và hẹn một tháng sau, khi trở lại nhiệm sở sẽ ghé thăm. Đến hẹn, Bá Nha tìm đến thì Tử Kỳ đã qua đời, chỉ còn mẹ già. Bá Nha mời mẹ Tử Kỳ về ở với gia đình mình và phụng dưỡng rất chu đáo. Từ ngày Tử Kỳ mất, Bá Nha treo đàn vì mất bạn tri âm. Thành ngữ của ta còn có các câu nói về tình bạn như “bạn cố tri” (bạn hiểu nhau từ lâu), “bạn nối khố” (bạn từ thuở hàn vi chia nhau cả cái khổ vải).

4. Bàu dục chám nước cáy (chám mắm cáy):

Bàu dục là món ăn ngon và bổ trong bộ lòng lợn. Nước cáy là thứ nước mắm ướp bằng con cáy,

thường nặng mùi, có sắc đục, chấm không ngon. Bầu dục mà đem chấm nước cáy thì phí mất cả chất ngon của bầu dục. Đại ý câu này nói lên hai đối tượng không phù hợp, không cân xứng. Cũng còn có ý chê người có miếng ngon mà không biết cách ăn. Câu này thường bị nói lầm là “dùi đục chấm nước cáy”.

5. **Bạo hổ bằng hà:**

Thực ra phải nói là bạo hổ bằng hà. Bạo hổ là tay không bắt hổ, bằng hà là không có thuyền mà dám vượt qua sông lớn. Thành ngữ này ý nói táo bạo nhưng mạo hiểm.

6. **Bằng cái sậy nẩy cái ung:**

Sậy là nốt rôm nhỏ nổi trên da. Nếu không biết giữ gìn thì có thể trở thành cục to nguy hiểm (cái ung, cái nốt). Câu này khuyên ta đừng có coi thường việc nhỏ hoặc để chỉ một tai nạn lớn từ việc nhỏ gây nên.

7. **Bĩ cực thái lai:**

Kinh dịch có 64 quẻ, trong đó có quẻ bĩ và quẻ thái. Quẻ bĩ tượng trưng cho sự bế tắc, không thuận lợi, quẻ thái tượng trưng cho sự thuận lợi, hanh thông. Đây cũng là một quan điểm biện chứng, lạc quan. Khi nào sự bế tắc đến cùng cực (bĩ cực) thì sự hanh thông, thuận lợi sẽ tới (thái lai). Câu này nói ý hết khổ đến sướng, giống như câu “khổ tận cam lai” (khổ là đắng, cam là ngọt, hết thời cay đắng thì đến thời ngọt bùi).

8. **Bố vợ là vợ cọc chèo:**

Trong tiếng Việt hiện đại, vợ nếu là danh từ có nghĩa là bít tất (miền Nam vẫn dùng), còn vợ động từ có nghĩa là tóm đờc, níu lấy. (chết đuối vợ đờc cọc, nạ dòng vợ đờc trai tơ). Cả hai nghĩa trên đều không khớp với câu tục ngữ này.

Vợ trong câu tục ngữ trên là từ cổ, hiện nay chỉ một số vùng còn dùng như ở Tam Kỳ (Quảng Nam). Vợ là một vật kết bằng thừng, giống hình số 8, một nửa lồng vào mái chèo còn nửa kia lồng vào khác ở đầu cọc chèo. Nếu không có cái vợ thì không chèo được, nếu buộc chặt mái chèo vào cọc chèo cũng không chèo được. Câu này có nghĩa là: tình cảm giữa bố vợ và chàng rể dù có buộc nhưng không chặt chẽ, khăng khít như con đẽ. Ý này rất hợp với câu thứ hai “Mẹ vợ là bè trôi sông”. Bè trôi sông cũng kết thành mảng nhưng kết không chặt, sóng to gió cả cũng dễ tan. Từ câu tục ngữ trên nên mới có từ “bạn cọc chèo” để chỉ hai anh rể lấy hai chị em ruột (bạn đồng hao).

9. **Bọm già mắc bẫy cò ke:**

Bẫy cò ke là loại bẫy thô sơ dùng để bẫy chim. Bẫy bằng tre, có cần và lẫy. Mồi gắn với lẫy. Hễ chim ăn mồi thì lẫy bật ra và cần tre sẽ sập xuống. Bọm già là những tay lọc lõi trong nghề lừa đảo, thế mà có khi còn mắc bẫy, mắc những mưu lừa tâm thường vì thiếu cảnh giác. (Cò ke có nhiều cách giải thích. Cò ke là một loại quả dùng làm mồi. Cò ke là chiếc cò có lẫy).

10. **Cạn tàu ráo máng:**

Máng là dụng cụ đựng thức ăn cho lợn và gia súc (máng phải kín xung quanh để đồ thức ăn loãng không chảy ra ngoài). Tàu cũng là dụng cụ dùng đựng cỏ cho ngựa, voi (về sau tàu được mở rộng nghĩa, chỉ chuồng nhốt voi, ngựa). Thành ngữ này lúc đầu chỉ sự chăm sóc thiếu chu đáo đối với vật nuôi vì tàu và máng không có thức ăn. Về sau, thành ngữ này chỉ sự đối xử tàn nhẫn, thiếu tình nghĩa giữa người với người (ăn ở với nhau cạn tàu ráo máng)

11. **Cầu toàn trách bị:**

Thành ngữ này có nghĩa mong muốn được hoàn toàn, được đầy đủ, không còn thiếu thứ gì. Điều mong muốn này rất khó đạt được trong thực tế. Vì vậy, mọi người thường nói “đừng nên cầu toàn trách bị nữa”. Cầu = mong, muốn; trách = đòi hỏi; toàn, bị = vẹn toàn, trọn vẹn (Ví dụ: Ông ấy làm việc gì cũng cầu toàn trách bị).

12. **Chạy như cò lông công:**

Ngày trước, trên đường thiên lý có các trạm, các cung. Ở đây, các phu trạm phải chuyển công văn từ trạm này tới trạm khác. Nếu công văn khẩn (hỏa tốc) thì người phu trạm phải mang theo một sợi lông đuôi của con công và phải chạy thật nhanh (về sau, thiếu lông công, phải thay bằng lông gà có buộc

cục than). Nhân dân thấy trên đường, các phu trạm chạy từ cung này đến cung kia nên có thành ngữ này để diễn đạt ý “chạy rối rít, chạy loạn xạ”.

13. Chín chữ cù lao:

Thành ngữ này thường dùng để chỉ công lao khó nhọc của bố mẹ. (Cù là siêng năng; lao là khó nhọc). Chín chữ cù lao ấy là: Sinh, Cúc, Phũ, Súc, Trưởng, Dục, Cố, Phục, Phúc.

(**Sinh**: đẻ, **cúc**: nâng đỡ, **phũ**: vuốt ve, **súc**: cho bú mớm lúc nhỏ, **trưởng**: nuôi cho lớn, **dục**: dạy dỗ, **cố**: trông nom săn sóc, **phục**: xem tính nết mà dạy bảo cho thành người tốt, **phúc** : giữ gìn.)

Trong Truyện Kiều có câu :

*Duyên hội ngộ, đức cù lao
Bên tình bên hiếu bên nào nặng hơn.
Nhớ ơn **chín chữ** cao sâu
Một ngày một ngã bóng dâu tà tà.*

14. Chân ướt chân ráo:

Thành ngữ này do phong tục rước dâu ngày trước tạo nên. Khi cô dâu bước chân về nhà chồng, mẹ chồng ra đỡ nón cho cô dâu, nhúng chân cô dâu vào một chậu nước để rửa làm phép (trong chậu có bỏ mấy đồng tiền ngậm chúc tiền của sẽ vào như nước). Sau đó, cô dâu phải bước qua một chậu than hồng (để trừ ma quỷ) trước khi vào buồng. Vì vậy, thành ngữ này có nghĩa là : thời gian chưa lâu (cô ấy mới chân ướt chân ráo về nhà chồng).

15. Chân le chân vịt:

Le là giống biết bay, vịt là giống không biết bay chỉ lạch bạch đứng một chỗ. Câu này ý nói nửa muốn đi, nửa muốn ở.

16. Chim ra ràng:

Ràng là từ cổ, có nghĩa là chuồng : Một số nơi còn dùng từ ràng trâu để chỉ chuồng trâu. Chim ra ràng là chim đã đủ lông đủ cánh, mới ra khỏi chuồng (tức chim non). Hiện nay, ta dùng từ ràng buộc nghĩa gốc là nhốt vào chuồng và cột chặt.

17. Cho bạc cho tiền không bằng cho nghiên cho bút:

Câu tục ngữ này nói lên truyền thống hiếu học của dân ta. Nghiên bút dùng để chỉ việc học hành. Nuôi con học hành đến nơi đến chốn để tạo cho con thành người hữu ích, có đạo đức còn hơn cho con tiền bạc.. Tiền bạc dù nhiều thì tiêu cũng hết (miệng ăn núi lở). Nếu cho con tri thức thì không bao giờ hết vì tri thức gắn liền với nghề nghiệp. Trong thời đại hiện nay, câu này càng có giá trị vì thế kỉ XXI là thế kỉ tri thức.

18. Con rồng cháu tiên:

Theo truyền thuyết, Lạc Long Quân là giống rồng, Âu Cơ là giống tiên, sinh ra một trăm người con. Sau đó, Lạc Long Quân đem 50 con xuống vùng biển, Âu Cơ đem 50 con lên núi. Số người này đã lập nghiệp tạo nên các dân tộc sống trên lãnh thổ Việt Nam. Thành ngữ này nói lên nguồn gốc và lòng tự hào dân tộc.

19. Con cà con kê:

Nông dân ta thường gieo hạt cà, hạt kê thành từng đám. Khi đến tuổi trồng, người ta nhổ lên, bó từng bó nhỏ gọi là con, rồi mới đem cấy ở ruộng. Công việc trồng cà, trồng kê rất lâu, rề rà, vì phải tách ra từng cây giống trước khi cấy vào luống. Vì vậy thành ngữ này thường dùng với từ “kể lẽ con cà con kê suốt cả buổi” để chỉ thói quen nói dai, kể lẽ dài dòng, hết chuyện này đến chuyện khác.

20. Có công mài sắt có ngày nên kim:

Đây là một câu tục ngữ rất phổ biến, khuyên mọi người phải có ý chí bền bỉ, kiên nhẫn thì dù việc khó đến đâu cũng thành công. Chuyện xưa kể rằng Lí Bạch thuở nhỏ hay ham chơi, ít chịu khó học hành. Một hôm, cậu thấy một bà già đang ngồi bên tảng đá để mài một thanh sắt. Cậu hỏi thì bà trả lời : “Mài thanh sắt để làm thành cái kim khâu cháu ạ !” Cậu hỏi : “Liệu hôm nay có xong không hả cụ?” Bà già trả lời : “Hôm nay không xong thì ngày mai mài tiếp. Tháng này không xong thì tháng sau mài tiếp”.

Thấy vậy, Lí Bạch chợt hiểu ra và từ đó dốc tâm học tập. Về sau, Lí Bạch học giỏi, trở thành một nhà thơ nổi tiếng đời Đường Trung Quốc.

21. Công dã tràng:

Dã tràng là một con vật nhỏ, giống hình con cáy, chạy rất nhanh, sống ở bãi cát ven biển. Dã tràng thường dùng hai càng để xe cát và ăn các chất hữu cơ có trong cát. Cát bị xe thành từng viên nhỏ như hạt đu đủ, mỗi khi có sóng biển tràn lên thì tan ra hết. Vì vậy mọi người cho rằng dã tràng làm một việc vô ích. Ca dao có câu :

*Dã tràng xe cát biển Đông
Nhọc lòng mà chẳng nên công cán gì.*

Từ đó, thành ngữ này dùng để chỉ một việc làm phí công sức mà không có ích lợi. Cổ tích của ta cũng có chuyện Dã Tràng có viên ngọc nghe được tiếng nói của chim. Sau viên ngọc bị Long vương lấy mất nên Dã Tràng cứ ở ven biển đào cát để tìm lại viên ngọc.

22. Công như công cốc:

Cốc là một loài chim mình đen như quạ, có tài lặn dưới nước để bắt cá. Nhiều người dân chài đã thuần dưỡng cốc để kiếm cá cho chủ. Học cho Cốc đeo một chiếc vòng bằng vòng cổ. Hễ mò được cá nhỏ, cốc có thể nuốt được. Nhưng nếu bắt được cá to, cốc đành chịu. Chủ nuôi sẽ được cá to đem bán. Thành ngữ này nói lên ý tổn công sức mà không được hưởng thành quả.

23. Cửa người bỏ tát, của mình lạt buộc:

Về thứ hai “cửa mình lạt buộc” thì ai cũng hiểu và giữ khư khư, không chịu rời cho ai đồng nào. Nhưng còn về đầu “cửa người bỏ tát” thì bỏ tát nghĩa là gì ? Có nhiều cách giải thích khác nhau.

1. Theo trong kinh Phật, bỏ tát là bậc tu hành đã đắc đạo, có thể lên ngôi như Phật nhưng vẫn nấu lại nơi hạ giới để cứu nhân độ thế. Ông Bồ Tát rất phóng tay cứu giúp mọi người.
2. Có người cho rằng bỏ tát là nói chệch của từ bố tát. Bố từ Hán có nghĩa là tung ra (như trong bố thí). Tát từ Hán có nghĩa là buông thả (bố tát là tháo tung ra). Dù giải thích cách nào thì nghĩa của về đầu vẫn là : “cửa người thì phung phí rộng rãi” để đối lập với về sau là bo bo giữ cửa mình.

24. Cũ gió tuần mưa:

Theo cách chia thời gian ngày trước, một cũ là 7 ngày, một tuần là 10 ngày. Ngày nay vẫn còn nói “Chị ấy mới ở cũ”, tức mới sinh con được một vài cũ. Một tháng chia ra ba tuần : thượng tuần (10 ngày đầu tháng), trung tuần (10 ngày giữa tháng), hạ tuần (10 ngày cuối tháng). Câu này nói ý nhớ người thân đi xa vất vả.

*Não người cũ gió tuần mưa
Một ngày nặng gánh tương tư một ngày
(Truyện Kiều)*

25. Cười như nắc nẻ:

Nắc nẻ là loại côn trùng hình như con bướm, ban đêm hay bay vào nơi thấp đèn, luôn đập cánh, xè xè trên vách. Thành ngữ này ý nói cười liên tiếp không dứt. (Có sách giải nghĩa là cười giong già là không chính xác).

26. Cưới ngựa xem hoa:

Câu này có nghĩa là qua loa, đại khái, không tìm hiểu kỹ. Sở dĩ có thành ngữ này cũng là do câu chuyện sau : Một chàng công tử **chân bị què** muốn đi xem mặt vợ. Không ngờ cô vợ tuy đẹp nhưng **bị sút môi**. Người làm mối cho chàng công tử cưới ngựa đi qua cổng và dặn cô gái đứng ở cổng, tay cầm bong hoa che miệng. Hai bên đồng ý kết hôn. Khi cưới xong mới biết các tật của nhau.

27. Da mồi tóc bạc:

Thành ngữ này dùng để miêu tả những người cao tuổi. Tóc bạc là tóc trắng như bạc. Da mồi là da bị vết lốm đốm, thường có màu nâu như mai con đồi mồi. Đồi mồi thuộc họ rùa sống ở ven biển, mai có hoa rất đẹp, dùng làm lược hoặc kẹp tóc.

*Tóc quần chải lược đòi mời
Chải đứng chải ngồi quần vẫn hoàn quần
(Ca dao)*

28. Dốc bờ thương kẻ ăn đong:

Nông dân thường dựng thóc vào bờ. Dốc bờ là nhà hết thóc. Khi đó mới thương những người đi đong gạo ăn hằng ngày. Câu này ý nói có cùng cảnh ngộ thì mới thương nhau, để thông cảm với nhau.

29. Dốt đặc cán mai – Dốt có chuôi:

Mai là dụng cụ dùng để đào đất. Cán mai thường làm bằng táu, một thứ gỗ rất cứng để khi bẫy đất không bị gãy cán. Dốt đặc cán mai ý nói đầu óc bị đặc như cán mai, không có chỗ để nhét chữ vào được.

Dốt có chuôi (dốt co đuôi) là do điển tích xưa. Một thầy đồ được mời đến cúng cho gia chủ tên là Tròn. Thầy không biết viết chữ Tròn nên khoanh một vòng. Có kẻ tinh nghịch sỗ thêm một nét thành cái gáo. Gáo dừa thường có chuôi (cán) dùng để cầm. Khi cúng, thầy đọc tên là gáo làm cho gia chủ bực mình.

30. Đanh đá cá cày:

Câu thành ngữ này có nghĩa là ương ngạnh, cứng cỏi, không chịu thua kém ai. Cá cày là cái cá (làm bằng tre hoặc gỗ, to bằng cái cán dao, hình như con cá) dùng để nâng bấp cày lên xuống khi muốn cày nông hoặc sâu. Cá cày tuy nhỏ nhưng điều khiển được cả lưỡi cày.

31. Đánh giáp lá cà:

Câu này ai cũng hiểu là đánh nhau mặt đối mặt, hai bên giáp sát vào nhau. Từ điển Việt Nam của hội Khai trí tiến đức giải nghĩa “giáp lá cà”: “nơi quân hai bên xông vào đâm chém nhau”. Từ giáp này hiện nay vẫn dùng: Hai nhà ở giáp nhau. Hai người giáp mặt nhau. Nhưng **lá cà là gì** ? Có người giải thích : Ngày Xưa, trong chiếc áo của ta có dùng nhiều tờ lá. Lá sen là bộ phận đệm phía trong vai áo để mặc được bền. Miếng vải này hình giống lá sen. Lá xoài là một miếng vải đệm bông, lồng vào cổ và tỏa ra hai vai. Phụ khiêng kiệu, khiêng cồng thường phải có lá xoài để đỡ đau vai và đỡ rách áo. Lá cà là một bộ phận trong áo võ quan. Loại này có hồng tâm bằng đồng để che ngực và một mảnh lá cà để che bụng và hạ bộ. Mảnh này giống hình chiếc lá cà. Trong quần áo hát hội, các nghệ nhân gọi nó là lá cà. Đánh giáp lá cà là mặt đối mặt, các lá cà của hai tướng sát vào nhau.

32. Đánh trống lảng:

Trong lễ tế thần, khi tiến rượu, các tế viên (ông mạnh, ông bồi) phải đi khoan thai, từng bước một, theo điệu nhạc và nhịp trống từ ngoài sân vào trong cung. Khi ở trong cung trở ra, các tế viên phải bước rất nhanh theo nhịp trống dồn nhập gọi là trống lảng (tiếng giục để lảng ra cho nhanh). Sau này, thành ngữ đánh trống lảng được dùng với nghĩa : một người nào đó đang nghe chuyện này thì nói lảng ra chuyện khác, hoặc lảng ra chỗ khác để tránh điều bất lợi cho mình.

33. Đánh trống láp:

Trong lễ tế thần, khi đọc văn tế, vì kiêng tên húy của thần nên người đọc văn chỉ đọc lảm nhảm trong miệng. Tuy vậy, vẫn sợ người ngoài biết tên húy nên khi đọc đến tên và chức tước của thần, người đánh trống còn điểm mấy tiếng trống để làm láp tiếng người đọc. Đánh trống lúc đó gọi là trống láp. Ngày nay, thành ngữ này thường dùng để chỉ việc kể lể lồi thối nhằm lấp liếm câu chuyện chính hoặc che đậy lỗi lầm của mình.

34. Đánh trống qua cửa nhà sấm:

Đây là một thành ngữ bắt nguồn từ điển tích Trung Quốc với nghĩa là : người kém tài chớ qua cửa người giỏi, gần giống thành ngữ “Đừng thi bơi với giải” (giải là một loài bò sát lớn thường sống ở đầm nước, bơi rất nhanh). Theo điển tích xưa, Ngô Phù Sai đóng đô ở Cô Tô, xây thành có đặt tên cửa là Xà môn (cửa Rắn) để trấn áp nước Việt. Người Việt làm cửa Lôi môn (cửa Sấm) để chống lại. Để đánh trống lớn ở cửa Lôi môn thì cửa Xà môn lập tức mở ra để dò xem động tĩnh.

35. Đèo heo hút gió:

Thành ngữ này dùng để chỉ nơi hoang vắng (đi vào nơi đèo heo hút gió). Sinh thời, nhà văn Nguyễn Công Hoan đã giải thích cho tôi như sau : Chính là “đèo **Neo** hút gió” bị nói chệch đi. Ngày trước,

đường quốc lộ đi từ Thăng Long lên ải Nam quan phải đi qua đèo Neo (một cái đèo ở gần thị xã Bắc Giang bây giờ). Tiễn những người đi sứ sang Trung Quốc, bạn bè dù thân thiết cũng chỉ đi tiễn đến đèo Neo, đặt rượu tiễn hành rồi quay về. Người đi sứ phải đi vào đoạn đường rừng hoang vắng để lên cửa ải. Cũng nhân từ đèo Neo (một danh từ riêng). Nhà văn Nguyễn Công Hoan còn nói : Lưu Đồn trong bài ca dao : “Ba năm trấn thủ Lưu Đồn” cũng là một danh từ riêng. Thời Trịnh – Nguyễn phân tranh, chúa Trịnh cho đóng một đồn binh lớn ở phía bắc sông Gianh để canh phòng. Lưu Đồn là một địa danh nay thuộc tỉnh Quảng bình.

36. Đi một ngày đàng, học một sàng khôn:

Câu tục ngữ này khuyên ta nên tìm học trong thực tế cuộc sống. Lời khuyên này rất quý và sâu sắc. Ngày là nói về thời gian, đàng (đường) là nói về không gian . Ngày đàng kết hợp tạo nên một nghĩa bao quát là đi vào cuộc sống để học hỏi những tri thức của cuộc sống để nâng cao, mở rộng tầm nhìn, tầm hiểu biết của bản thân mình. Tại sao lại nói một sàng khôn, mà không nói một thúng khôn, một bị khôn. Nếu suy nghĩ đơn giản thì sàng vẫn với đàng. Nhưng phải hiểu sàng là gì ? Sàng là một dụng cụ đan bằng tre, hình tròn như cái mâm, nông và thưa. Ở nông thôn, nhà nào cũng có sàng để khi xay thóc xong, dùng sàng để làm sạch trấu và cám, chỉ giữ lại gạo. Vì vậy, đi trong cuộc sống, không phải thấy điều gì cũng học vì có điều hay điều dở. Chúng ta phải sàng lọc, chỉ học điều hay, điều khôn mà thôi.

37. Đổi thay nhận yến:

Thành ngữ này để chỉ thời gian một năm. Về mùa đông, chim nhận (tức hồng nhận) thường di cư về phía nam để tránh rét (hồng nhận còn gọi là **chim sếu**). Về mùa xuân, chim yến (én) bay về. Thành ngữ này giống thành ngữ đông qua xuân tới:

Đông qua xuân tới.

Đổi thay nhận yến đã hồng đầy niên.

(Truyện Kiều)

38. Đồng không mông quạnh:

Thành ngữ này được dùng để chỉ một nơi trống trải, vắng lặng gây cho ta cảm giác cô đơn (**không** là trống trải, **quạnh** là vắng vẻ). Trong thành ngữ trên, đồng là danh từ (cánh đồng) thì mông cũng là danh từ mới đối xứng theo cách kết cấu phổ biến của thành ngữ. Tiếng Việt cổ, mông là một bãi trống. (ở vùng nghệ tĩnh còn giữ từ này trong phương ngữ).

39. Đố ai gánh đá vá trời, đan gàu tát biển, gheo người cung trăng:

Câu này có 3 thành ngữ : gánh đá vá trời, đan gàu tát biển, gheo người cung trăng. 3 thành ngữ này đều nói những điều không thể làm được. Không ai gánh đá vá trời được như nhân vật Nữ Oa trong thần thoại Trung Quốc. (Thuở sơ khai), bầu trời còn thủng lỗ chỗ, bà Nữ Oa đã luyện đá ngũ sắc vá lại bầu trời. (Trích theo sách của Hoài Nam Tử). Nhiều như nước biển mà dùng gàu để tát thì tát sao cạn. Người cung Trăng chỉ Hằng Nga thì sao mà gheo được. Các thành ngữ này khuyên ta đừng có làm điều viễn vông, không tưởng. Muốn thành công ở đời cần có óc thực tế.

40. Đơn thương độc mã:

Thương là ngọn giáo, mã là ngựa. Thành ngữ này nghĩa gốc là một giáo một ngựa dùng để chỉ sự đơn độc, lẻ loi trong khi chiến đấu với khó khăn nguy hiểm, không có sự hỗ trợ của người khác.

41. Đơm đó ngọn tre:

Đó là đồ dùng đánh cá hình thon dài, miệng có hom, cá chui vào nhưng không chui ra được. Đơm đó phải đơm chỗ có nước chảy. Đơm đó ở ngọn tre thì làm gì có cá. Câu này chế giễu người nào mong đợi những điều viễn vông.

42. Đứng mũi chịu sào:

Khi con thuyền vượt qua ghềnh thác, người đứng ở mũi thuyền, cầm sào chèo chống có vai trò quan trọng và phải chịu gian khổ nguy hiểm. Từ nghĩa này, thành ngữ đứng mũi chịu sào chỉ công việc quan trọng, gánh vác nhiệm vụ nặng nề, đương đầu với gian khổ vì lợi ích chung. Ca dao có câu :

Đôi ta lên thác xuống ghềnh

Em ra đứng mũi cho anh chịu sào.

(phải hiểu là vợ và chồng cùng đứng mũi chịu sào, cùng chung gian khổ, cùng đồng tâm hiệp lực để vượt khó khăn, không nên hiểu là chồng trút khó khăn cho vợ).

43. Đường vòng hay tối, nói dối hay cùng:

Đi đường vòng thì xa có khi trời tối mà chưa đến nơi. Nói dối thường gặp chỗ cùng, bế tắc không đối ai được nữa. Câu này khuyên ta nên đi đường thẳng, không đi ngang về tắt ý khuyên làm những việc quang minh và nói lời ngay thật.

44. Gái thương chồng đương đông buổi chợ - Trai thương vợ nắng quái chiều hôm:

Câu tục ngữ này có rất nhiều cách giải thích. Sở dĩ có nhiều cách hiểu vì cụm từ “đương đông buổi chợ” và “nắng quái chiều hôm” được hiểu với nghĩa khác nhau. Dưới đây xin nêu một vài cách hiểu đó:

1. Hiểu đây là lời khuyên, không phê phán ai cả “Đương đông buổi chợ” được hiểu là thời son trẻ duyên dáng của người phụ nữ, có nhiều chàng trai để ý đến. Tình thương chồng được thể hiện rõ khi cô ta còn nhan sắc, nhiều người để ý nhưng vẫn một mực chung thủy với chồng. “Nắng quái chiều hôm” được hiểu là thời người con gái đã xế chiều, nhan sắc tàn phai và khuyên chồng nên chung thủy cả khi vợ đã luống tuổi.

2. Hiểu câu này chỉ mức độ tình yêu giữa nam và nữ một cách khách quan, không phê phán ai cả. Hiểu tình yêu của người phụ nữ đầy đặn, mặn mà như buổi chợ đương đông còn tình yêu của nam giới thì mỏng manh, rục rờ nhưng mau tàn như nắng quái chiều hôm.

3. Hiểu câu này theo cách phê phán Tình yêu của người phụ nữ đậm đà bền chặt như buổi sáng lúc đương đông buổi chợ. Tình yêu của nam giới chỉ thoáng qua, mau tắt ngấm như buổi chiều, lúc nắng quái chiều hôm.

Cho đến nay những cách hiểu khác nhau vẫn tồn tại và chắc còn nhiều cách hiểu khác. Chúng ta chưa có cơ sở để lựa chọn và khẳng định.

45. Gân nhà giàu đau răng ăn cơm - Gân kẻ trộm ốm lưng chịu đòn:

Nhân dân ta rất coi trọng lảng giềng “Bán anh em xa mua láng giềng gần”. Nhưng hai loại láng giềng “nhà giàu” và “kẻ trộm” thì lại khổ cho láng giềng. Câu này được hiểu là “Gân nhà giàu khổ như đau răng lại nhai cơm, gân kẻ trộm khổ như đang ốm lại phải đánh đòn”. Vì sao vậy? Láng giềng giàu thường ít thích giao tiếp với hàng xóm nghèo nên khi tối lửa tắt đèn ít nhờ vả được nhau. Gân kẻ trộm thì dễ mất trộm hoặc có khi bị đòn oan. Câu này khuyên ta nên chọn láng giềng mà ở. (Cũng có người giải thích là gân nhà giàu thì được ăn nhiều đến mức đau cả răng. Giải thích cách này không hợp lý).

46. Già kén kẹn hom:

Trong các sách thành ngữ đều giải thích: Tình duyên lỡ làng vì quá kén chọn. Trong cuốn tục ngữ lược giải của Lê Văn Hòe giải thích như sau: Già kén là kén kỹ quá, kén nhiều quá. Kẹn hom là giờ xương ra, ý nói già yếu gầy guộc, giờ xương. Câu này ý nói: kén chọn kỹ quá thì người già mất. Giải nghĩa như trên không có gì sai. Nhưng câu này gốc là “Già kén kẹn hom” và chỉ thấy trong từ điển của Gensibrel (1893) ghi là chẹn và dịch tiếng Pháp là serer (tức xương hom bị chẹn lại). Câu này có nghĩa là già kén (kén chồng) thì lấy chồng muộn (vãn hôn) và dễ mắc bệnh chẹn hom. Một số thầy thuốc có nói bệnh chẹn hom là bệnh khi sinh nở lần đầu, xương hom – không giãn nở to, khó sinh và dễ chết cả mẹ lẫn con. Vì vậy, ngày trước có bài thuốc chữa bệnh chẹn hom để làm cho dây chằng dễ giãn khi đẻ. Nếu hiểu như vậy thì câu thành ngữ này khuyên phụ nữ đừng kén chọn quá để nguy hiểm đến tính mệnh. Câu thành ngữ này cũng còn có cách giải thích khác như: Kén là kén tằm (danh từ) nếu để kén đã bị bướm cắn thủng (già kén) thì khó kéo tơ. Cách giải thích này rất xa với nghĩa ta thường hiểu.

47. Giấy rách phải giữ lấy lề:

Sách chữ nho ngày trước thường phải đóng lề ở gáy để kết chặt các tờ thành quyển. Khi viết, ở phần lề được để trắng, rộng độ 3 centimet theo chiều dọc. Trong quyển sách, lề là phần gốc, nếu lề bị hỏng thì toàn quyển sách sẽ bung ra hết. Dù giấy có rách, phần gốc vẫn cần bảo tồn. Câu thành ngữ này khuyên ta nên giữ vững truyền thống, nề nếp của gia đình. Lề từ nghĩa đen đã được mở rộng để chỉ những phong tục tốt đẹp trong câu “Đất có lề, quê có thói”.

(Còn Nữa)